

PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hà Minh Phước



Chương 3

Tổng quan về các Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính?

Báo cáo tài chính là những báo cáo được lập dựa vào phương pháp kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán, theo các chỉ tiêu tài chính phát sinh tại những thời điểm hoặc thời kỳ nhất định.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bảng cân đối kế toán là bảng báo cáo phản ánh tình hình tài sản và vốn của công ty tại một thời điểm nhất định.

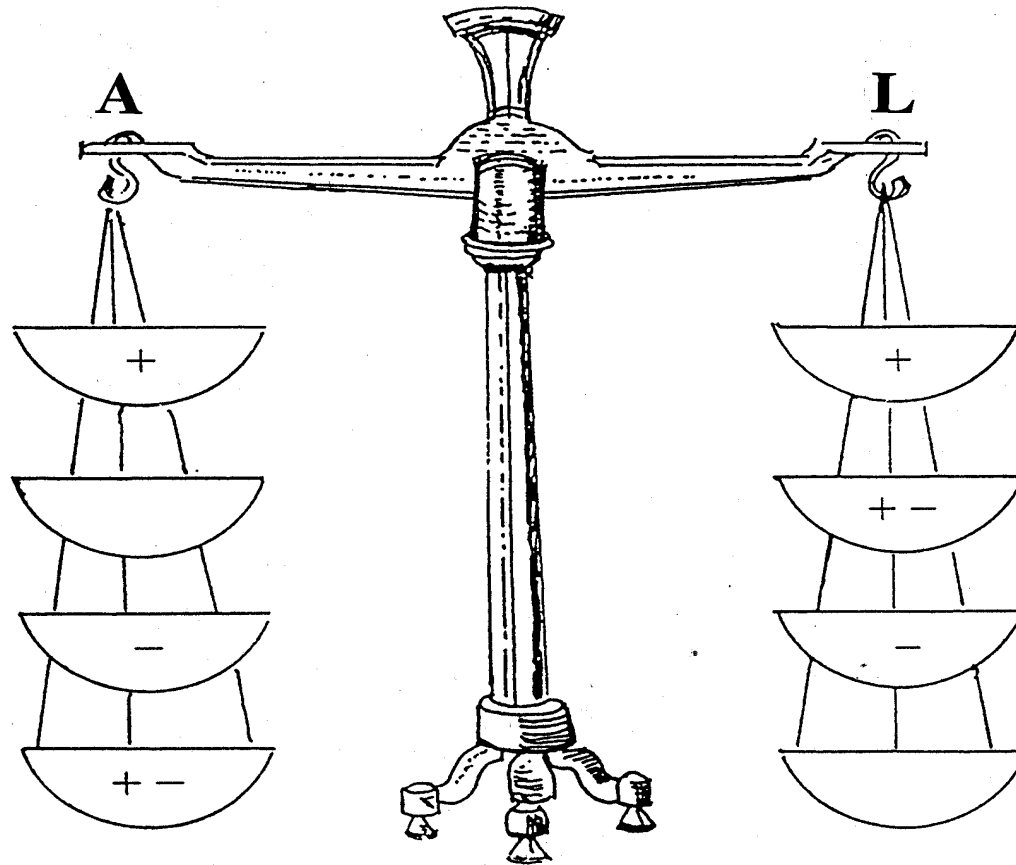
Về nguyên tắc:

$$\text{Tài sản} = \text{Nợ} + \text{Vốn chủ sở hữu}$$

$$\text{Tổng tài sản} = \text{Tổng nguồn vốn}$$

$$\text{TS ngắn hạn} + \text{TS dài hạn} = \text{NV ngắn hạn} + \text{NV dài hạn}$$

NHỮNG QUAN HỆ KẾ TOÁN CƠ BẢN



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khi phân tích B/S, cần quan tâm tới 3 yếu tố:

Tính thanh khoản

Nợ so với VCSH

Ghi nhận giá trị của tài sản

CAU TRÚC CỦA BẢNG CĐKT

tiền và các khoản tương đương tiền
các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn
các khoản phải thu ngắn hạn
tồn kho
sản lưu động khác

T. SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

tiền và các khoản tương đương tiền
sản cố định
đầu tư bất động sản
các khoản đầu tư tài chính dài hạn
sản dài hạn khác

NGUỒN VỐN

A. NỢ PHẢI TRẢ

- i. Nợ ngắn hạn
- ii. Nợ dài hạn

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU

- iii. Vốn chủ sở hữu
- iv. Lợi nhuận để lại + các quỹ

TỔNG TÀI SẢN

TỔNG NGUỒN VỐN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng giá trị tài sản:

**Tính
thanh
khoản
giảm
dần**

**Tài sản
ngắn hạn**

**Tài sản
dài hạn**

Tổng nợ và VCSH

**Nợ ngắn
hạn**

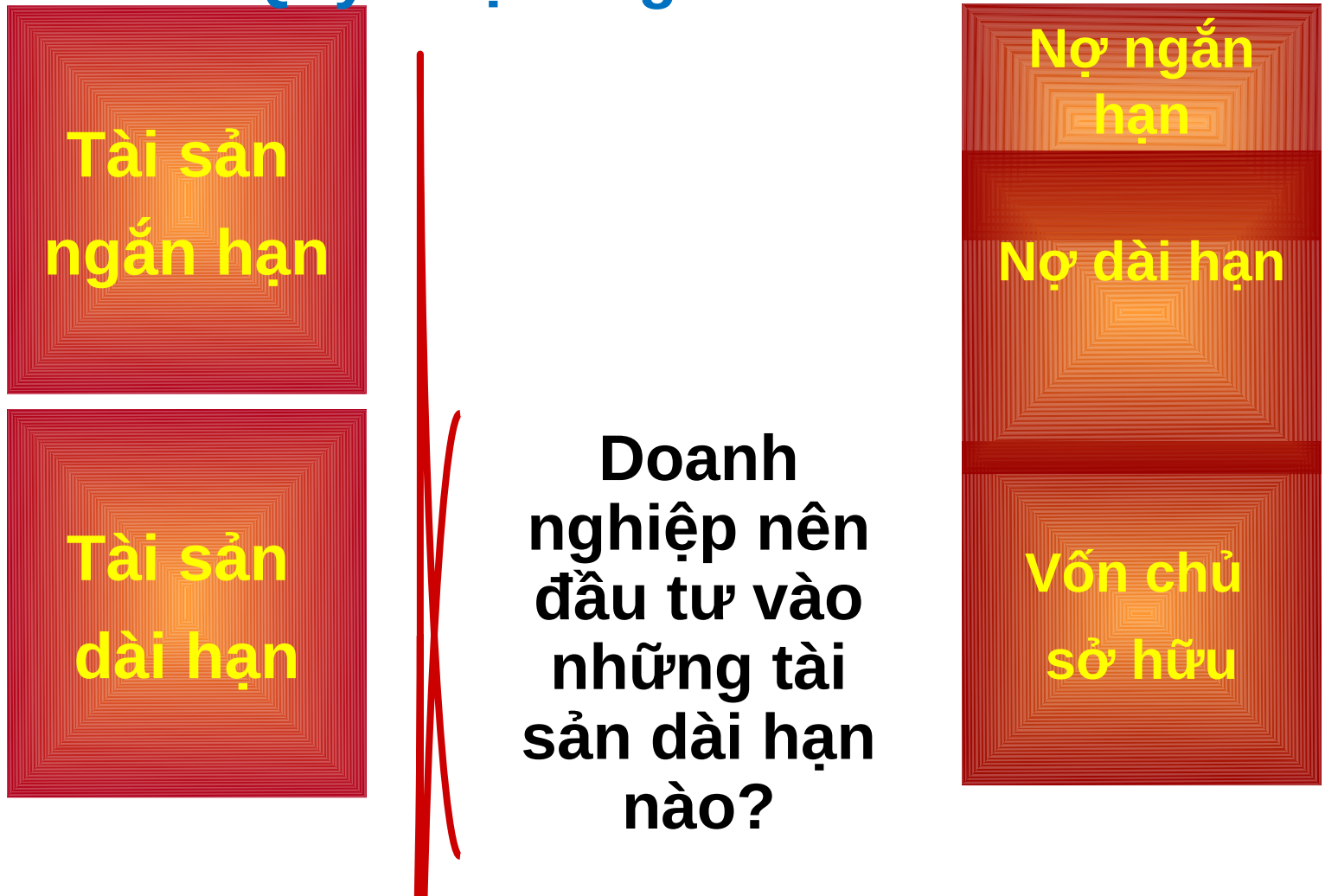
Nợ dài hạn

**Vốn chủ
sở hữu**

**Trật
tự ưu
tiên
thanh
toán
giảm
dần**

Mô hình bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp

Quyết định ngân sách vốn



Mô hình bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp

Quyết định cơ cấu vốn

Tài sản
ngắn hạn

Tài sản
dài hạn

Doanh nghiệp
có thể huy
động nguồn tài
trợ cho tài sản
như thế nào?

Nợ ngắn
hạn

Nợ dài hạn

Vốn chủ
sở hữu

Vốn lưu chuyển và vốn lưu chuyển thuần

Vốn lưu chuyển
thuần
(net working capital)

=

Tài sản ngắn
hạn (current
assets)

-

Nợ ngắn hạn
(current
liabilities)

Mô hình bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp

Quyết định đầu tư vào vốn lưu động ròng



NHỮNG KHOẢN MỤC CẦN LƯU Ý TRONG BẢNG CÂN ĐỐI

Các khoản phải thu **KẾ TOÁN** **Nợ ngắn hạn**

- ✓ Phải thu từ khách hàng
- ✓ Các khoản phải thu khác

Hàng tồn kho

- ✓ Nguyên vật liệu
- ✓ Thành phẩm

Tài sản cố định

- ✓ Hữu hình
- ✓ Vô hình

- ✓ Vay ngắn hạn
- ✓ Nợ DH đến hạn trả
- ✓ Các KPT nhà cung cấp
- ✓ Thuế phải trả và phải trả người LĐ

• **Vốn chủ sở hữu**

- ✓ Vốn đầu tư của CSH
- ✓ Lợi nhuận giữ lại

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN – NHỮNG VẤN ĐỀ THEN CHỐT

- **Phản ánh chi'n lược và cam kê't ta'i chi'nh của các cổ đ'ng;**
- **Thể hiện châ't lượng của ta'i sản và định hướng kinh doanh;**
- **Đo lường sự ổn định của nguồn vốn;**
- **Phản ánh trạng tha'i tiề'n mặt của doanh nghiệp;**
- **Đa'nh gia' tiề'm năng tăng v'n (nê'u co') và khả năng rò rĩ v'n;**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT
ĐỘNG
KINH DOANH**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG **KINH DOANH**

- (hay còn gọi) Báo cáo lãi, lỗ
- (hay còn gọi) Báo cáo thu nhập và chi phí
- Trong một khoảng thời gian (thường là 12 tháng)

Đánh giá hiệu quả của hoạt động kinh doanh của DN trong một thời kỳ nhất định

PHƯƠNG TRÌNH LỢI NHUẬN

**THU NHẬP
(DOANH THU)**

CHI PHÍ

**LỢI NHUẬN/LỖ
(THU NHẬP RÒNG)**

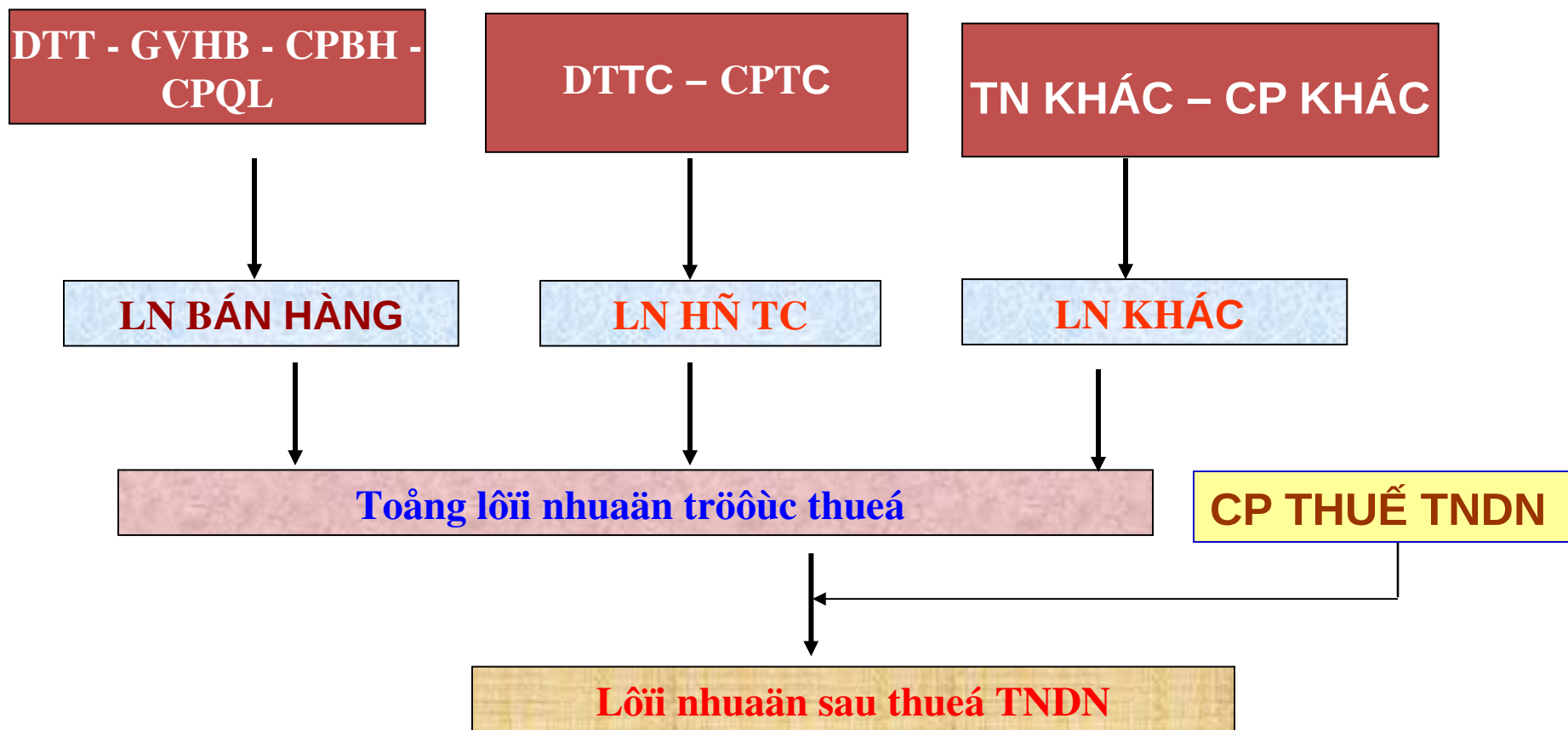
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lập dựa trên các hoạt động cơ bản của doanh nghiệp:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

Doanh thu,
Chi phí và
Lợi nhuận
tương ứng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
2. Các khoản giảm trừ doanh thu
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
4. Giá vốn hàng bán
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
6. Doanh thu hoạt động tài chính
7. Chi phí tài chính
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>
8. Chi phí bán hàng
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
11. Thu nhập khác
12. Chi phí khác
13. Lợi nhuận khác
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 21

KIỂM TRA BÁO CÁO KẾT QUẢ

- Công ty hoạt động trong một hay nhiều lĩnh vực khác nhau?
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- Doanh thu được ghi nhận như thế nào và vào thời điểm nào? Doanh thu có bị hoãn trong báo cáo không? Những khoản phải thu có thật và có khả năng thu hồi được không?
- Chi phí đã được tính toán như thế nào và vào thời điểm nào? Nó có được báo cáo thấp hơn chi phí thật

NHỮNG KHOẢN MỤC CẦN LƯU Ý

- Doanh thu thuần

- Các chi phí trực tiếp:

- Nguyên vật liệu

- Vận chuyển

- Nhân công

- Khấu hao

- Các chi phí hoạt động

- Chi phí bán hàng

- Chi phí quản lý

- Các khoản thu nhập và chi phí bất thường

- Lợi nhuận thuần

BA' O CA' O KÊ' T QUẢ HĐKD – NHƯ'NG THÔNG TIN CƠ

- Phản a'nh kê' t **BẢN** quả hoạt động trong qua' khư' của một DN – ha' m y' về kê' t quả hoạt động trong tƯơng lai.
- Châ' t lƯợng va'` ti'nh bê'n vƯ'ng của thu nhập tƯ' ca'c hoạt động kinh doanh chi'nh giƯ' vai tro' chủ yê' u.
- Hiệu quả của việc kiểm soa' t chi phi'

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- (hay còn gọi) Báo cáo ngân lưu
- (hay còn gọi) Báo cáo dòng tiền
- Trong một khoảng thời gian (thường là 12 tháng):



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.
- Về nguyên tắc:

$$\text{Dòng tiền thu được từ tài sản} = \text{Dòng tiền trả cho chủ nợ} + \text{Dòng tiền trả cho chủ sở hữu}$$

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập từ:

- Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh**
- Dòng tiền từ hoạt động đầu tư**
- Dòng tiền từ hoạt động tài chính**

Hoạt động kinh doanh: Là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp và các hoạt động khác không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính.

- **Hoạt động đầu tư:** Là các hoạt động mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác
- **Hoạt động tài chính:** Là các hoạt động tạo ra các thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của doanh nghiệp

Mối liên hệ giữa bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là:

Tài sản = Nợ + Vốn chủ sở hữu

Tiền + Tài sản phi tiền tệ = Nợ + Vốn chủ sở hữu

Tiền = Nợ - Tài sản phi tiền tệ + Vốn chủ sở hữu

TĐ Tiền = TĐ Nợ - TĐ Tài sản phi tiền tệ + TĐ Vốn chủ sở hữu

Phương pháp lập Báo cáo LCTT

Phương pháp trực tiếp

I. **Lưu chuyển tiền từ hđkd**

+ **Doanh thu bằng tiền**

- **Chi phí bằng tiền**

II. **Lưu chuyển tiền từ hđđ**

- **Mua TSCĐ, công cụ dụng cụ**

+ **Thanh lý TSCĐ**

+/- **Tiền góp vốn vào đơn vị khác**

+ **Lãi cho vay/ cổ tức được**

Phương pháp gián tiếp

I. **Lưu chuyển tiền từ hđkd**

+ **Lợi nhuận trước thuế**

- **Điều chỉnh cho:**

KHTSCĐ, dự phòng, đánh giá chênh lệch tỷ giá, lãi

III. **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

+ **Tiền vay, tăng vốn**

- **Các khoản đi vay đã trả**

- **Lãi cổ phần đã trả**

Bảng báo cáo ngân lưu tổng quát như sau :

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
Hoạt động kinh doanh (I): Dòng tiền vào (Dòng thu) Dòng tiền ra (Dòng chi)	
Hoạt động đầu tư (II): Dòng tiền vào (Dòng thu) Dòng tiền ra (Dòng chi)	
Hoạt động tài chính (III): Dòng tiền vào (Dòng thu) Dòng tiền ra (Dòng chi)	
Tổng cộng ngân lưu ròng (I+II+III) Tiền tồn đầu kỳ Tiền tồn cuối kỳ Thay đổi trong tiền mặt tồn quỹ	


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ _ Coca Cola

	2008	2007
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH		
Lợi nhuận ròng	5,807	5,981
Khấu hao TSCĐ	1,228	1,163
Chi phí phát hành cổ phiếu cho người lao động	266	313
Thuế thu nhập hoãn lại	(360)	109
Lãi/Lỗ góp vốn cổ phần, cổ tức ròng	1,128	(452)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	(42)	9
Lợi nhuận từ thanh lý nhượng bán tài sản, bao gồm lãi từ đóng chai	(130)	(244)
Các khoản phí hoạt động khác	209	166
Khoản mục khác	153	99
Thay đổi thuần về tài sản hoạt động và nợ	(688)	6
Dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	7,571	7,150

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ _ Coca Cola

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Thôn tính và đầu tư vốn tập trung chủ yếu vào		
các công ty nước giải khát và đóng chai và nhãn hiệu	(759)	(5,653)
Các khoản đầu tư khác	(240)	(99)
Thanh lý nhượng bán các công ty đóng chai và các khoản đầu tư khác	479	448
Mua sắm nhà cửa, vật kiến trúc và thiết bị	(1,968)	(1,648)
Thanh lý, nhượng bán nhà cửa, vật kiến trúc và thiết bị	129	239
Các hoạt động đầu tư khác	(4)	(6)
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2,363)	(6,719)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ _ Coca Cola

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Phát hành nợ	4,337	9,979
Thanh toán nợ	(4,308)	(5,638)
Phát hành cổ phiếu 	586	1,619
Mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	(1,079)	(1,838)
Cổ tức	(3,521)	(3,149)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(3,985)	973

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hay còn gọi là:
“Công bố về báo cáo tài chính”

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

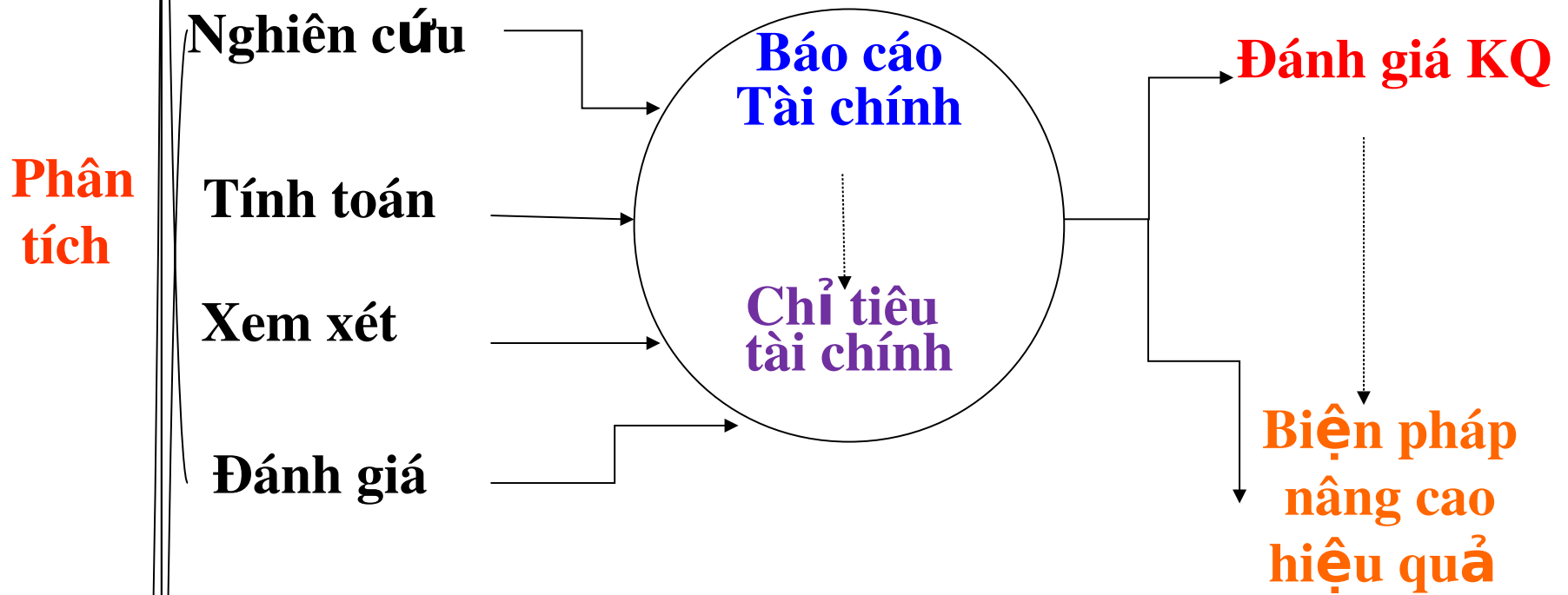
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
 - Nội dung chế độ kế toán được doanh nghiệp áp dụng
 - Tình hình và lý do biến động của một số tài sản và nguồn vốn quan trọng
 - Phân tích một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu ...
- ⇒ Bổ sung chi tiết thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp mà các báo cáo tài chính khác không trình bày rõ

CHƯƠNG 4

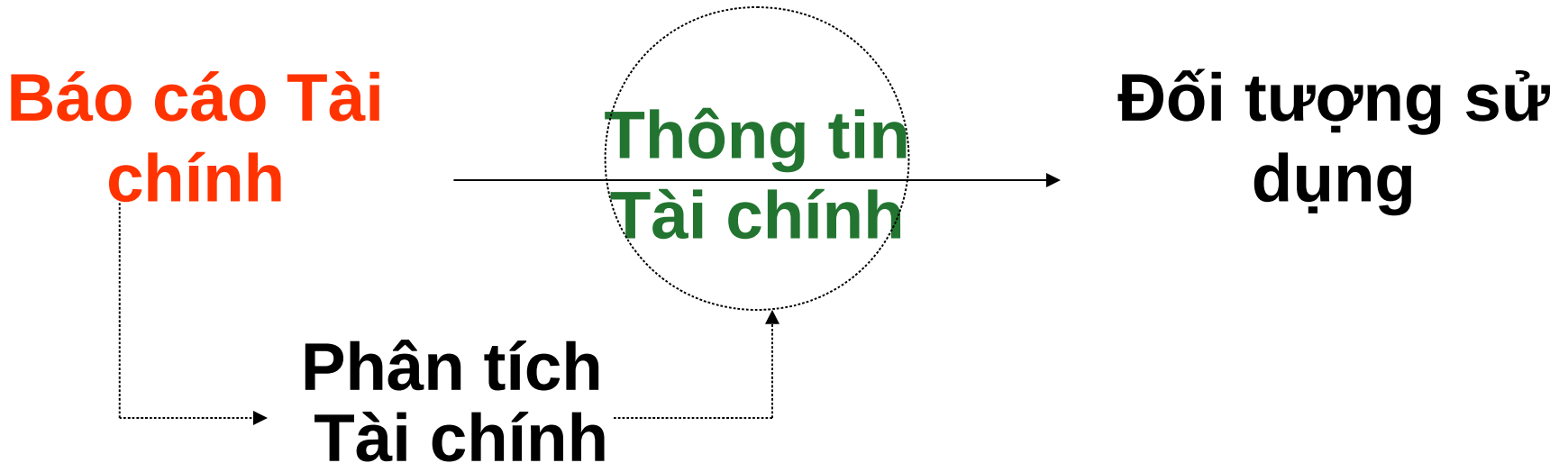
TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KHÁI NIỆM PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ý NGHĨA CỦA PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH



MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI

Để có thể trả lời **CHỮ NH** những câu hỏi sau đây:

- Doanh nghiệp hoạt động tốt hay không?
- Doanh nghiệp kinh doanh có lãi không?
- Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả không?
- Doanh nghiệp có khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình không?
- Doanh nghiệp có thể đạt được những cam kết trong tương lai của mình không?

NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ❖ **Phân tích khái quát báo cáo tài chính**
- ❖ **Phân tích nguồn vốn và sử dụng vốn**
- ❖ **Phân tích báo cáo tài chính qua các chỉ số tài chính**
- ❖ **Phân tích DuPont**

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BA' O CA' O TA' I CHI' NH

CƠ BẢN

- Phương pháp so sánh
- Phân tích xu hướng
- Phân tích tỷ trọng
- Phân tích tỷ số ta' i chi' nh
- Phương pháp thay thế liên hoàn
- Phân tích lưu chuyển tiền tệ

PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH

Chỉ tiêu so sánh đồng nhất

Nội dung

**Cùng ND KT,
cùng phương
pháp tính, cùng
đơn vị**

Thời gian

**Cùng thời
gian (tháng,
quí, năm....)**

Không gian

**Cùng qui mô,
điều kiện
SXKD, ngành**

- *So sánh chéo*: So sánh các chỉ tiêu trung bình ngành, các doanh nghiệp trong cùng ngành

Phương pháp so sánh

Kỹ thuật so sánh

- Số tuyệt đối: Phản ánh khối lượng, qui mô của sự kiện KT
- Số tương đối (Tỷ lệ %): Mức độ, tốc độ phát triển, kết cấu, hiệu suất của các sự kiện KT

⇒ Phương pháp phân tích theo chiều ngang, chiều dọc của các Báo cáo Tài chính

PHÂN TÍCH XU HƯỚNG

- Còn được gọi là phân tích ngang
- Là một quá trình nghiên cứu xu hướng thay đổi các khoản mục của báo cáo tài chính qua một số thời kỳ kế toán liên tục
- Nó sẽ rất hữu ích khi kết hợp với các phương pháp phân tích khác

PHÂN TI' CH XU HƯƠ' NG

Thươ' ng đượ'c du' ng để phân ti' ch xu hươ' ng biế' n độn'g của nhữ' ng yê' u tô' sau:

- Khả năng sinh lời
 - LN gộp
 - LN thuần
 - Các tỷ suất lợi nhuận
- Khả năng vay nợ / trả nợ
 - Vốn chủ sở hữu
 - Nợ ngắn hạn/nợ dài hạn
 - Tài sản cố định
 - Các tỷ số khả năng trả nợ
- Năng lực hoạt động:
 - Doanh thu
 - Các khoản phải thu
 - Các khoản phải trả
 - Nguyên vật liệu/hàng tồn kho
- Tính thanh khoản
 - VLĐ thường xuyên
 - Tiền mặt
 - Các khoản phải trả
 - Các tỷ số thanh khoản

PHÂN TÍCH TỶ TRỌNG

- Nó còn được gọi là phân tích dọc hay phân tích báo cáo quy mô chung
- Là phương pháp hiệu quả trong việc so sánh kết quả hoạt động của DN qua các năm, kết hợp với phương pháp phân tích ngang & phân tích các tỷ số tài chính
- Cung cấp thông tin về đặc điểm kinh tế của các ngành kinh doanh khác nhau và các DN khác nhau trong cùng một

PHÂN TÍCH TỶ TRỌNG

- Mỗi khoản mục được thể hiện dưới dạng một tỷ lệ phần trăm của Tổng tài sản (Bảng CĐTS) hoặc Doanh thu thuần (Báo cáo Kết quả HĐKD)
- Phương pháp này được sử dụng kết hợp với các nhóm tỷ số khác nhau:
 - Các tỷ số phản ánh khả năng sinh lời
 - Tỷ số LN gộp
 - Tỷ số LN thuần từ hoạt động kinh doanh
 - Tỷ số LN sau thuế

PHÂN TÍCH TỶ TRỌNG

- Các tỷ số chi phí trực tiếp:
 - Tỷ số giá vốn hàng bán trên doanh thu
 - Tỷ số từng loại chi phí trực tiếp trên doanh thu
- Các tỷ số chi phí hoạt động
- Các tỷ số chi phí và thu nhập khác
 - Tỷ số chi phí lãi vay trên doanh thu

PHÂN TÍCH TỶ SỐ TÀI CHÍNH

- Là một công cụ để đánh giá hiệu quả và kết quả hoạt động của một DN
- Là một loại phân tích theo chiều sâu do kết hợp được dữ liệu từ tất cả các báo cáo tài chính
- Cho phép xác định tính hợp lý & khả thi của các kế hoạch dự kiến của doanh nghiệp.

PHÂN TÍCH TỶ SỐ TÀI CHÍNH

- Việc diễn giải các tỷ số tài chính quan trọng hơn việc tính toán các tỷ số đó
- Để có kết luận chính xác, cán bộ tín dụng phải so sánh các tỷ số tài chính:
 - của một số năm với nhau
 - với tỷ số của các doanh nghiệp cùng ngành
 - với các mục tiêu, chỉ tiêu mà DN đã đặt ra từ đầu kỳ

MỘT SỐ NHÓM TỶ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

- Các tỷ số khả năng sinh lời
 - Đo lường lợi nhuận của một DN trong mối quan hệ với doanh thu và vốn đầu tư của nó.
- Các tỷ số về năng lực hoạt động:
 - Đánh giá mức độ hiệu quả trong việc quản lý tài sản của DN.

MỘT SỐ NHÓM TỶ SỐ TÀI CHÍNH

- Các tỷ số **CHỦ YẾU** thanh khoản:
 - Đo lường khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn từ tiền của mình
- Các tỷ số về khả năng vay/trả nợ
 - Xem xét cơ cấu vốn và khả năng đáp ứng các nghĩa vụ trả nợ dài hạn của DN.

PHƯƠNG PHÁP THAY THỂ LIÊN HOÀN

Đây là phương pháp nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến đối tượng phân tích

MỘT SỐ GỢI Ý KHI PHÂN TI'CH

- Phân ti'ch là làm sa'ng tỏ vâ'n đề chứ không phải là m'phư'c tạp thêm vâ'n đề
- Phải kê't hợp sử dụng tâ't cả cá'c phươ'ng phá'p phân ti'ch
- Tra'nh no'ì lại nhữ'ng điê'u đã ro'~; con số' có thể tự no'ì về no'ì
- Con số' mang ti'nh khách quan; việc hiểu no'ì phụ thuộc và' o khả năng ngườ'i phân ti'ch có đợc đượ'c cá'c vâ'n đề trong qua' khư' & của tươ'ng lai đã'ng sau no'ì không

MỘT SỐ GỢI Ý KHI PHÂN TIẾT

- Hãy nêu bật các xu hướng biến động cơ bản
- Tránh bùng nổ các vấn đề 'tiêu cực' quan trọng; hãy tìm cách giải thích chúng
- Trong quá trình phân tích, hãy xác định những vấn đề RỦI RO chủ yếu và đặt ra các yêu cầu cho bên vay phải cam kết để giảm thiểu chúng

CÁC TÍN HIỆU BÁO ĐỘNG VỀ TÀI CHÍNH

- **Thươ**ng xuyên thay đổi công ty kiểm toa' n và` chỉ`nh sa'ch kê' toa' n không nhâ't qua' n
- **Có** qua' nhiê`u ý kiến loại trừ trong Ba' o ca' o kiểm toa' n (trong phâ`n Y' kiê' n kiểm toa' n)
- **Chậ**m hoa`n tha`nh ba' o ca' o ta`i chỉ`nh

CÁC TÍN HIỆU BÁO ĐỘNG VỀ TÀI CHÍNH

- Có khác biệt lớn với báo cáo tài chính nội bộ; báo cáo dự toán
- Vay nợ tăng nhanh, tiền mặt giảm
- Mất cân đối lớn giữa thời hạn nợ phải trả & thời hạn của TS
- Tăng số vòng quay nợ phải thu & kéo dài kỳ trả nợ

CÁC TÍN HIỆU BÁO ĐỘNG VỀ TÀI CHÍNH

- Số lượng hàng bị trả lại & giảm giá hàng bán tăng lên
- Nguyên vật liệu tiêu thụ giảm
- Giảm tỷ lệ lợi nhuận gộp & lợi nhuận thuần từ SXKD
- Thu nhập chủ yếu được tạo ra từ HĐ kinh doanh phụ hoặc từ các nguồn bất thường

NHỮNG HẠN CHẾ CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản chất của báo cáo tài chính:

- **Không phản ánh toàn bộ/trung thực bức tranh tài chính của DN vào thời điểm lập báo cáo**
- **Không phản ánh các yếu tố phi tài chính**
- **Không tính đến sự biến động của giá trị dòng tiền theo thời gian.**

NHỮNG HẠN CHẾ CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản chất của báo cáo tài chính:

- **Không phản ánh tính chất mùa vụ trong hoạt động của DN**
- **Bị ảnh hưởng bởi những chính sách kế toán khác nhau về:**
 - **Hàng tồn kho**
 - **Khấu hao tài sản cố định**
 - **Doanh thu/chi phí**

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI PHÂN TÍCH CÁC DN VỪA VÀ NHỎ

- **Thiên hướng biên báo lợi nhuận**
- **Hiện tượng “rò rỉ tiền mặt”**
- **Gánh nặng tài sản chất lượng kém**
- **Chất lượng của chu kỳ kinh doanh?**

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI PHÂN TÍCH CÁC DN VỪA VÀ NHỎ

- **Nguồn vốn không ổn định**
- **Một số “bệnh” nghiêm trọng:**
 - **Vốn chủ sở hữu âm**
 - **Đầu tư quá mức**
 - **Chênh lệch lớn giữa lưu chuyển tiền thuần và LN từ hoạt động kinh doanh**
 - **Vay nợ quá nhiều**

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI PHÂN TÍCH CÁC DN LỚN

- **Đọc & nghiên cứu kỹ ý kiến kiểm toán**
- **Nắm bắt những thông tin chính trong Thuyết minh BCTC & Báo cáo của Ban giám đốc**
- **Hiểu rõ tình hình hoạt động kinh doanh của DN**
- **Làm sáng tỏ bức tranh thật đáng sau các con số**

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI PHÂN TÍCH CÁC DN LỚN

- Tìm kiếm chi tiết đáng sau các số liệu
- Hiểu những thông điệp chính của các báo cáo tài chính:
 - Chất lượng TS & tính ổn định của nguồn vốn
 - Tỷ số nợ
 - Rủi ro bên ngoài & hệ thống kiểm soát nội bộ
 - Quản lý tiền mặt

DN THƯƠNG NG “TÂN TRẠNG” BA’O CA’O TA’I CHI’NH BẰNG CÁCH NA’O?

- Đa’nh gia’ ha’ng tồ’n kho vào cuô’i ky’
- Không hậch toán cá’c khoản doanh thu ba’n ha’ng bắ’ng tiê’n mặt
- Hậch toán chi phí tiê’n lương cao hơn
- Đưa cá’c chi phí phi tiê’n mặt va’o để thối phồ’ng vô’n chủ SH
- Vô’n hoa’ cá’c chi phí

5/29/17 Chi’nh sa’ch khâ’u hao

DN THƯƠNG NG “TÂN TRẠNG” BA’O CA’O TA’I CHI’NH BẰNG CÁCH

NA’O?

- **Lấn lộn** chi tiêu cá nhân và chi tiêu chung
- **Không công bố** hoặc loại bỏ các khoản nợ quá hạn ra khỏi bảng CĐKT
- **Thay đổi** chi nh sách kế toán
- **Bơm vốn & tăng** doanh thu vào giờ khắc cuối cùng của báo cáo
- **Gấp rút** thu nợ, chậm trả nhà cung cấp, trì hoãn mua sắm tài sản
- **Các** giao dịch trong nội bộ các công ty thành

ĐẶC ĐIỂM BA 'O CA 'O TA 'I CHI 'NH TRONG CA 'C

- Đặc điểm kinh tế của các ngành kinh doanh ảnh hưởng đến cơ cấu tài chính của chúng
- Khác biệt lớn về giá trị của tổng tài sản, mức vốn lưu động, mức đầu tư TS cố định, tính chất TS, tỷ lệ vay nợ, cơ cấu vốn, loại chi phí, tỷ suất lợi nhuận....

CHƯƠNG 3

PHÂN TÍCH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- Để biết những nội dung khái quát chung mà số liệu trên Bảng cân đối Kế toán thể hiện.
- Để thực hiện được phải thiết lập việc tính toán Bảng cân đối kế toán (Mẫu)

Bảng cân đối kế toán

(Dạng phân tích bằng phương pháp so sánh)

Chỉ tiêu	Năm X	Năm X+1	Chênh lệch		Quan hệ kết cấu	
			Mức	%	X	X+1
<u>TÀI SẢN</u>						
A.TS Ngắn hạn						
B.TS Dài hạn						
Tổng cộng						
<u>NGUỒN VỐN</u>						
A.Nợ phải trả						
B.Nguồn vốn CSH						
Tổng cộng				73		

PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

- Để biết những nội dung khái quát chung mà số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh thể hiện.
- Để thực hiện được phải thiết lập việc tính toán Báo cáo Kết quả kinh doanh (Mẫu)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Dạng phân tích bằng phương pháp so sánh)

Chỉ tiêu	Năm X	Năm X+1	Chênh lệch	
			Mức	%
1. Doanh thu (thuần)				
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp				
4. LN hoạt động TC				
5. Chi phí KD				
6. LN thuần h.đ KD				
7. Lợi nhuận khác				
8. LN trước thuế				
9. LN sau thuế				

PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUA CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH

Các bước thực hiện phân tích chỉ số tài chính

Bước 1: Xác định công thức chỉ tiêu cần phân tích.

Bước 2: Xác định số liệu từ báo cáo TC đưa vào công thức.

Bước 3: Giải thích ý nghĩa của tỷ số vừa tính toán

Các chỉ số Tài chính

1. Chỉ số về thanh toán (thanh khoản)
2. Tỷ số quản lý tài sản hay tỷ số hiệu quả hoạt động
3. Tỷ số quản lý nợ
4. Tỷ số khả năng sinh lời
5. Tỷ số tăng trưởng

*** Nhóm tỷ số về thanh toán (thanh khoản)**

⇒ Đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả của doanh nghiệp. Đo lường khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn từ tiền của mình

* Nhóm tỷ số về thanh toán (thanh khoản)

án lưu động ròng = Tổng tài sản lưu ãoãng – Nội lưu ãoãng

- Biểu thò soá tiẽn cøø laii cuõa doanh nghiệp sau khi ããõ thanh toãùn heát cãc khoản nội lưu ãoãng.
- Khaũ ããeng ããùp òùng nhõõng nghĩa vui thanh toãùn, môũ roãng quy môã vaø ããém lááy thõøi cõ thuaãn lõii cuõa doanh nghiệp thõõøng do voãn luaãn chuyẽn quyết ãõnh

* Nhóm tỷ số về thanh toán (thanh khoản)

Tỷ số thanh toán hiện thời:

Cho thấy khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn từ tài sản ngắn hạn trong kỳ báo cáo. Tỷ số thanh toán hiện thời cho biết mức nào tôi trang trải của tài sản lưu động nào vì nội ngắn hạn mà không cần tài trợ thêm.

Giá trị tài sản lưu

**Tỷ số thanh khoản
hiện thời**

=

động

Giá trị nợ ngắn hạn

* Nhóm tỷ số về thanh toán (thanh khoản)

Tỷ số thanh toán nhanh:

Đây là một tỷ số thanh khoản chặt chẽ hơn, cho

thấy khả năng trả tất cả nợ ngắn hạn bằng tiền

$$\text{Tỷ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Giá trị tài sản lưu động} - \text{Giá trị hàng tồn kho}}{\text{Giá trị nợ ngắn hạn}}$$

Giá trị nợ ngắn hạn

* Nhóm tỷ số về thanh toán (thanh khoản)

- Tỷ lệ tài sản lưu động ròng là tên gọi hợp lý cho khoản chênh lệch về vốn giữa hàng tồn kho, các khoản phải thu và các khoản phải trả.
- Nó là một thước đo xem bao nhiêu tiền đã bị hút vào các khoản vốn lưu động chủ yếu là hàng tồn kho, các khoản phải thu và các khoản phải trả
- Nó không tính đến các khoản phi thương mại – được giả định là nhìn chung tự cân bằng qua

$$\text{Tỷ lệ tài sản lưu động ròng} = \frac{\text{Các khoản phải thu} + \text{Hàng TK} - \text{Các khoản phải trả}}{\text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}} \times 100$$

* Nhóm tỷ số về thanh toán (thanh khoản)

$$\text{Số ngày mà lượng tiền nhàn rỗi có thể đáp ứng nhu cầu HĐKD} = \frac{\text{Tiền mặt tại quỹ} + \text{Tiền gửi ngân hàng}}{\text{Chi tiêu bình quân hàng ngày}}$$

- Chỉ ra khả năng DN có thể đáp ứng được nhu cầu về tiền mặt cho hoạt động kinh doanh của mình
- Nó cũng chỉ ra mức độ tiền mặt dư thừa mà có thể đem đi đầu tư tạm thời ở nơi khác.

*** Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)**

⇒ Nhóm tỷ số này đo lường hiệu quả quản lý tài sản của công ty .

* Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)

Quản lý hàng tồn
kho

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ}}{\text{Trị giá hàng tồn kho bình quân}}$$

$$\text{Số ngày tồn kho} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360 ngày)}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

*** Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)**

**Còn nhiều cách tính khác nhau về tỷ số
lưu chuyển hàng tồn kho, bao gồm việc lấy
doanh thu thuần chia cho hàng tồn kho cuối kỳ
hoặc lấy giá vốn hàng bán (COGS) chia cho
giá trị hàng tồn kho bình quân.**

* Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)

Số vòng quay khoản phải thu

$$\text{Số vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{Tổng doanh thu bán chịu trong kỳ}}{\text{Bình quân giá trị KP thu trong kỳ}}$$

Tỷ số này thường chỉ tính đến nợ phải thu từ khách hàng, tức là bỏ qua các khoản mục phải thu khác như trả trước cho người bán hay các khoản phải thu khác

* Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)

Số ngày thu tiền (Days Sales Outstanding - DSO)

Thời gian thu tiền bình quân trung bình số lượng các khoản luân chuyển những khoản nợ cần phải thu, nhằm đánh giá việc quản lý của công ty nói với các khoản phải thu do bán chòu.

Kỳ thu tiền bình quân số lượng khâu nâng thu hoàn toàn trong thanh toán hàng, cho thấy khi tiêu thụ thì bao lâu doanh nghiệp mới thu được tiền.

$$\text{DSO} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360 ngày)}}{\text{Số vòng quay khoản phải thu}}$$

* Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)

Số ngày một vòng quay nợ phải trả

Số ngày một
vòng quay nợ
phải trả



Các khoản phải trả bình quân x 360
Giá vốn hàng bán

* Nhóm tỷ số quản lý tài sản (hiệu quả hoạt động)

Số ngày một vòng quay nợ phải trả

- Đo lường số ngày mà DN sẽ thanh toán cho các nhà cấp tín dụng thương mại của mình
- Thông lệ là chỉ tính các khoản nợ phải trả thương mại, tức là bỏ qua những khoản khác như chi phí phải trả, thuế phải trả...
- Thông thường, chỉ tiêu này được tính dựa vào giá vốn hàng bán bởi lẽ nó sẽ cung cấp một thước đo chính xác hơn về số ngày mà DN phải thanh toán cho các nhà cung cấp, nhưng lưu ý là nó cũng có thể được tính dựa vào doanh thu bán hàng.

Vòng quay tài sản lưu động

$$\text{Vòng quay tài sản lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Giá trị tài sản lưu động}}$$

Vòng quay tài sản cố định (Hiệu suất sử dụng TSCĐ)

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định ròng}}$$

* Nhóm tỷ số quản lý nợ

⇒ mức độ sử dụng nợ để tài trợ cho hoạt động của doanh nghiệp gọi là **đòn bẩy tài chính.**

* Nhóm tỷ số quản lý nợ

$$\text{Tỷ số nợ so với tài sản} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Giá trị tổng tài sản}}$$

$$\text{Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}$$

$$\text{Tỷ số khả năng trả lãi} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Chi phí lãi vay}}$$

*** Nhóm tỷ số khả năng sinh lợi**

⇒ nhằm đo lường khả năng sinh lợi của doanh nghiệp theo từng gốc độ khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu của nhà phân tích .

* Nhóm tỷ số khâu nâng sinh

lợi

Mức lợi nhuận trên doanh thu

(Hệ số lãi ròng–ROS: Return on Sales)

$$\text{ROS} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu ròng}}$$

Chỉ tiêu này nói lên trong 100 đồng doanh thu sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận

* Nhóm tỷ số khả năng sinh

Lợi nhuận trên tổng tài sản
(Return On Asset - ROA)

Tỷ số này đo lường khả năng sinh lợi ròng của tài sản của công ty. Mỗi đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng.

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\text{ROA ĐIỀU CHỈNH} = \frac{EAT + I (1 - \text{TỶ LỆ THUẾ})}{\text{Tổng tài sản}}$$

* Nhóm tỷ số khả năng sinh

lợi

EBIT

$$\text{Suất sinh lợi cơ bản} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Bình quân tổng tài sản}}$$

Lợi nhuận trên vốn cổ phần
(ROE - Return On Equity)

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}$$

* Nhóm tyú soá khaú naêng sinh

HỆ SỐ TỔNG LỢI NHUẬN (HS LÃI GỘP)

$$\text{HỆ SỐ TỔNG LỢI NHUẬN} = \frac{\text{TỔNG LỢI NHUẬN GỘP}}{\text{DOANH THU THUẦN}}$$

HỆ SỐ LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG

$$\text{HS LN HĐ} = \frac{\text{LN HOẠT ĐỘNG}}{\text{DOANH THU THUẦN}}$$

$$\text{LN HOẠT ĐỘNG} = \text{DTT} - \text{GVHB} - \text{CPBH} - \text{CPQLDH}$$

* Nhóm tỷ số tăng trưởng

⇒ Các tỷ số tăng trưởng cho thấy triển vọng phát triển của công ty trong dài hạn.

$$\text{Tỷ số lợi nhuận giữ lại} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}}$$

$$\text{Tỷ số tăng trưởng bền vững} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Mối quan hệ giữa các tỷ số tài chính

Phân tích tỷ số tài chính thường là so sánh mối quan hệ của các tỷ số tài chính. Điều này giúp nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của công ty

$$ROE = \frac{LN}{DTT} \times \frac{DTT}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn}} \quad (1) \quad (2) \quad (3)$$

(1) **HỆ SỐ LÃI RÒNG (ROS)**

(3) **HỆ SỐ VÒNG QUAY TÀI SẢN.**

(4) **HỆ SỐ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH**

CÓ THỂ TĂNG ROE BẰNG CON ĐƯỜNG NÀO?
CÓ RỦI RO KHÔNG?

MỐI QUAN HỆ GIỮA ROE VÀ ROA

$$\text{ROE} = \text{ROA} \times \frac{1}{1 - \text{Tỷ số nợ}}$$

$$\text{Tỷ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

CÓ THỂ TĂNG ROE BẰNG CÁCH NÀO?

ĐÒN BÃY TC VÀ RỦI RO TC

- RỦI RO TÀI CHÍNH LÀ RỦI RO BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN TRÊN VỐN CỔ PHẦN KẾT HỢP VỚI RỦI RO MẤT KHẢ NĂNG CHI TRẢ PHÁT SINH DO CÔNG TY SỬ DỤNG ĐÒN BÃY TÀI CHÍNH
- SỬ DỤNG ĐÒN BÃY TÀI CHÍNH == > CHI PHÍ TÀI CHÍNH CỐ ĐỊNH GIA TĂNG == > XÁC SUẤT MẤT KHẢ NĂNG CHI TRẢ DÀI HẠN TĂNG == > GIA TĂNG RỦI RO

Thông thường ở các Cty Cổ phần niêm yết đều có các tỷ số cơ bản

1 Cơ cấu tài sản

- Tài sản ngắn hạn/TỔNG tài sản
- Tài sản dài hạn /TỔNG tài sản

2 Cơ cấu nguồn vốn

- Nợ phải trả/TỔNG nguồn vốn
- Nguồn vốn CHỦ SỞ HỮU/TỔNG nguồn vốn

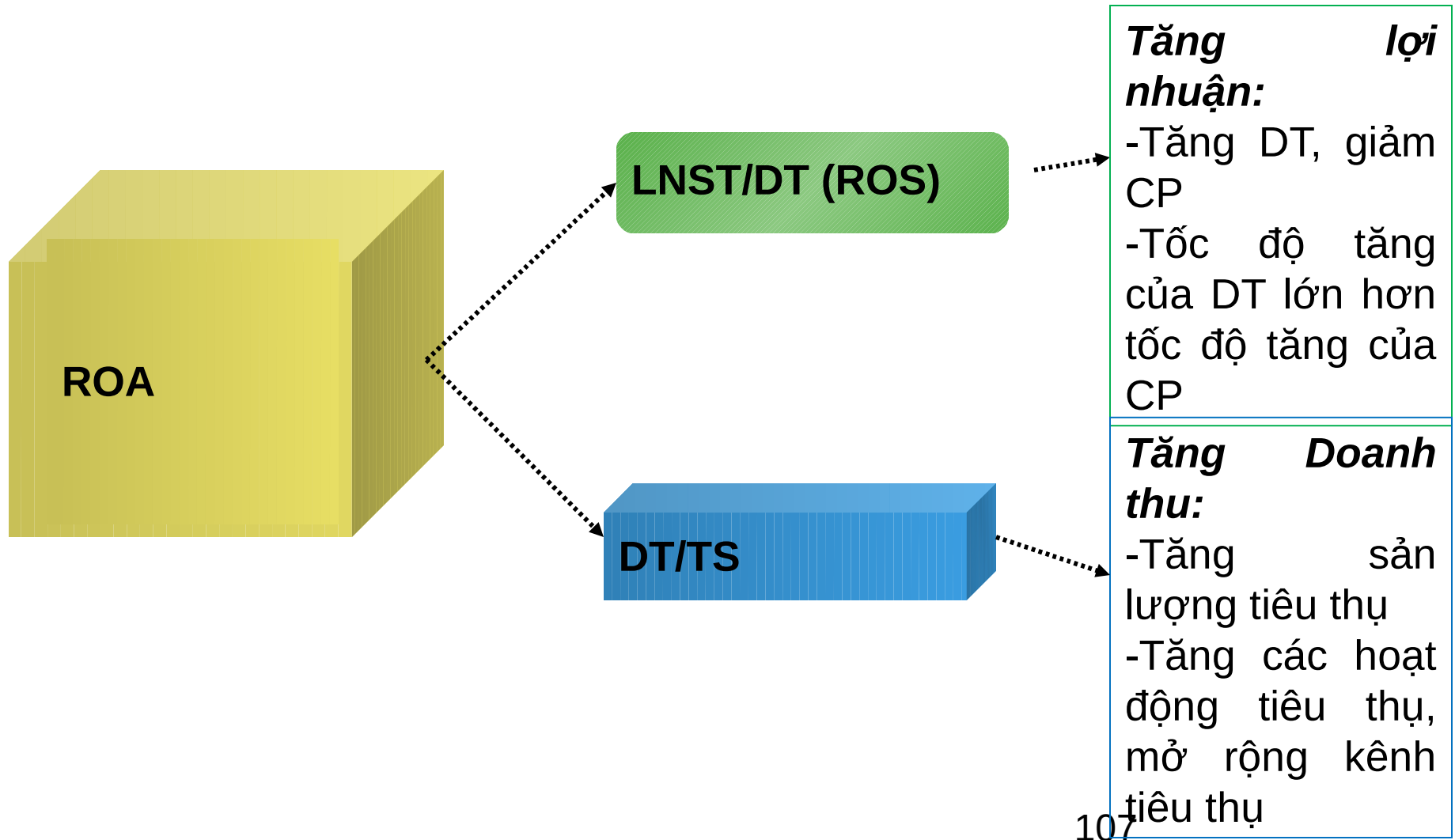
3 Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán nhanh
- Khả năng thanh toán hiện hành

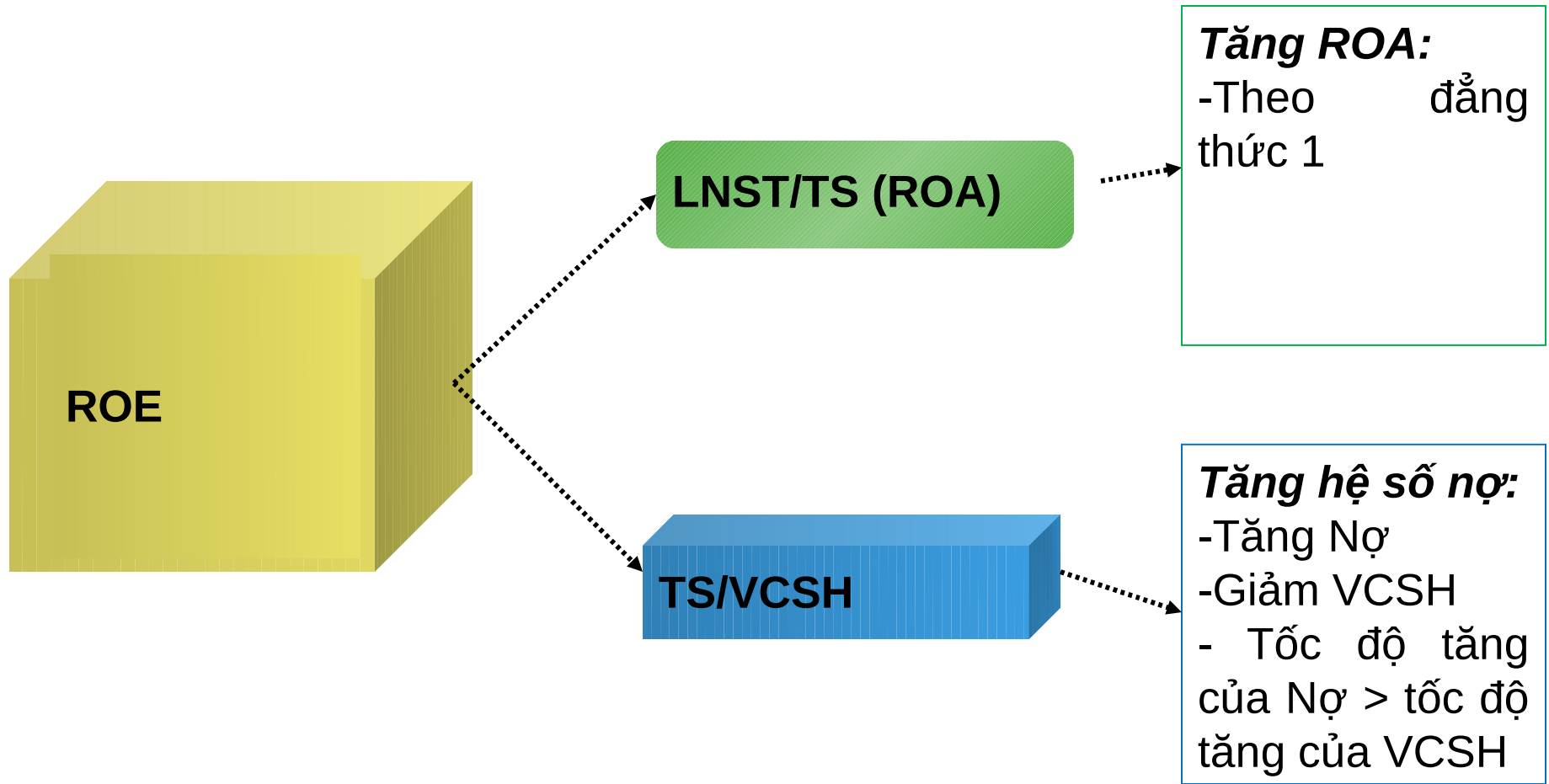
4 Tỷ suất lợi nhuận

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/TỔNG tài sản
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VỐN CHỦ SỞ HỮU

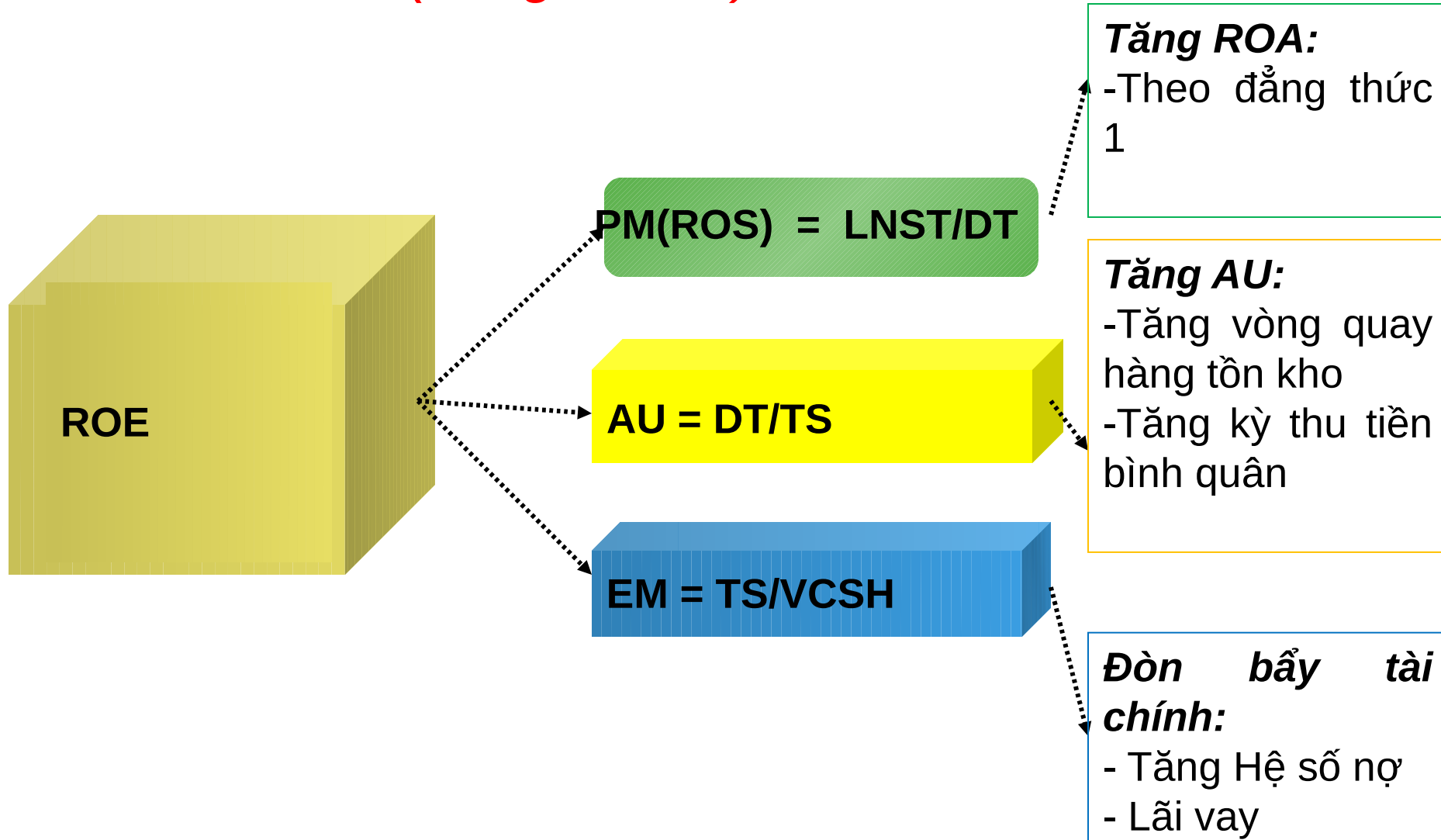
PHÂN TÍCH DUPONT (đẳng thức 1)



PHÂN TÍCH DUPONT (đẳng thức 2)



PHÂN TÍCH DUPONT (đẳng thức 3)



THẢO LUẬN NHÓM

Hãy giải thích ý nghĩa của những tình huống

- ✓ **Tỷ số thanh toán ngắn hạn:** Cao/thấp
- ✓ **Tỷ số thanh toán nhanh:** Cao/thấp
- ✓ **Số ngày một vòng quay hàng tồn kho:** chậm/nhanh
- ✓ **Số ngày một vòng quay nợ phải thu:** chậm/nhanh
- ✓ **Số ngày một vòng quay nợ phải trả:** chậm/nhanh
- ✓ **Hiệu suất sử dụng TSCĐ:** thấp/cao
- ✓ **Tỷ số nợ:** thấp/cao
- ✓ **Tỷ số khả năng trả lãi tiền vay:** thấp/cao
- ✓ **Tỷ suất LN gộp:** thấp/cao
- ✓ **Tỷ suất LN HĐKD:** thấp/cao

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TỶ SỐ

- **Tỷ số** là công cụ phân tích tài chính, chúng là các tỷ số chứ không “chẩn đoán” hay “kê đơn” trực tiếp
- **Độ tin cậy** của các tỷ số phụ thuộc vào **chất lượng** của báo cáo tài chính
- Các chính sách kế toán khác nhau sẽ dẫn tới các tỷ số khác nhau cũng như các kết quả so sánh khác nhau

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TỶ SỐ

- **Cách tính (công thức) tỷ số phải nhất quán**
- **Tất cả các biến động tích cực hoặc tiêu cực đều cần được điều tra**
- **Hãy theo dõi xu hướng của kết quả hoạt động và giải thích**

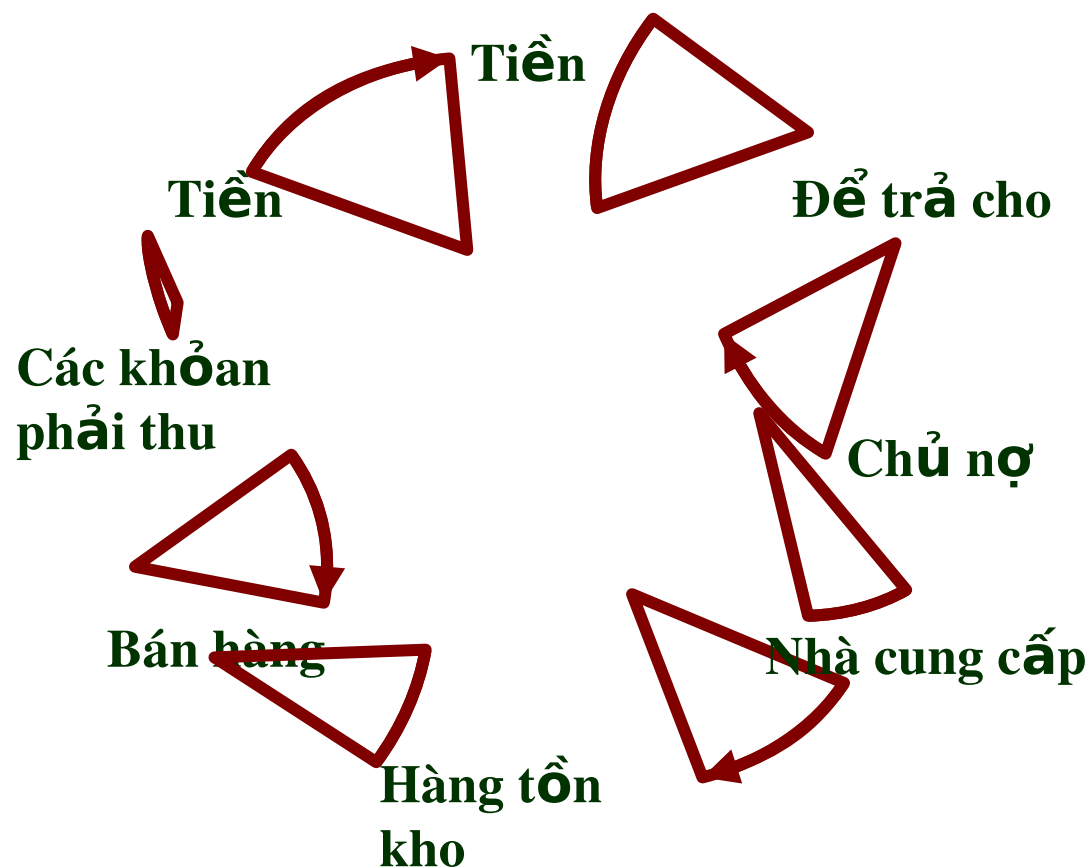
MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TỶ SỐ

- **Cần phải phân tích tất cả các nhóm tỷ số để có thể có một bức tranh tổng thể về DN**
- **So sánh với doanh nghiệp khác để có bức tranh rõ ràng hơn tuy nhiên phải chú ý lựa chọn các tiêu chí phù hợp để so sánh**
- **Thông tin tài chính trong quá khứ đôi khi không phản ánh tình hình tương lai.**

PHÂN TÍCH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ



MỐI LIÊN HỆ GIỮA TIỀN, TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC VÀ NỢ NGẮN HẠN



Mối liên hệ giữa bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Tài sản = Nợ + Vốn chủ sở hữu
- Tiền + Tài sản phi tiền tệ = Nợ + Vốn chủ sở hữu
- Tiền = Nợ - Tài sản phi tiền tệ + Vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- **Phản ánh dòng tiền mặt vào, ra của một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định**
- **Giúp hiểu được đâu là nguồn và việc sử dụng tiền mặt**
- **Là công cụ quan trọng để đánh giá khả năng trả nợ của một doanh nghiệp**

BA' O CA' O LƯU CHUYỂN TIỀN N TÊ:

- Khoản vay sẽ chỉ được trả từ: **Vi' sao nó quan trọng ?**

Tiền

Tiền

Tiền



- Chứ không phải bằng các con số:
 - Doanh thu
 - Lợi nhuận
 - Các tỷ số khả năng sinh lợi

TÍNH THANH KHOẢN # DÒNG TIỀN

- Các tỷ số thanh khoản cho biết trong trường hợp thanh lý tài sản:
 - Liệu doanh nghiệp có thể trả được các món vay ngắn hạn bằng: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho...?



THẢO LUẬN

- **Hãy cho biết các hoạt động nào mang lại tiền cho DN?**
- **Hãy cho biết DN thương mại sử dụng tiền vào các hoạt động gì?**

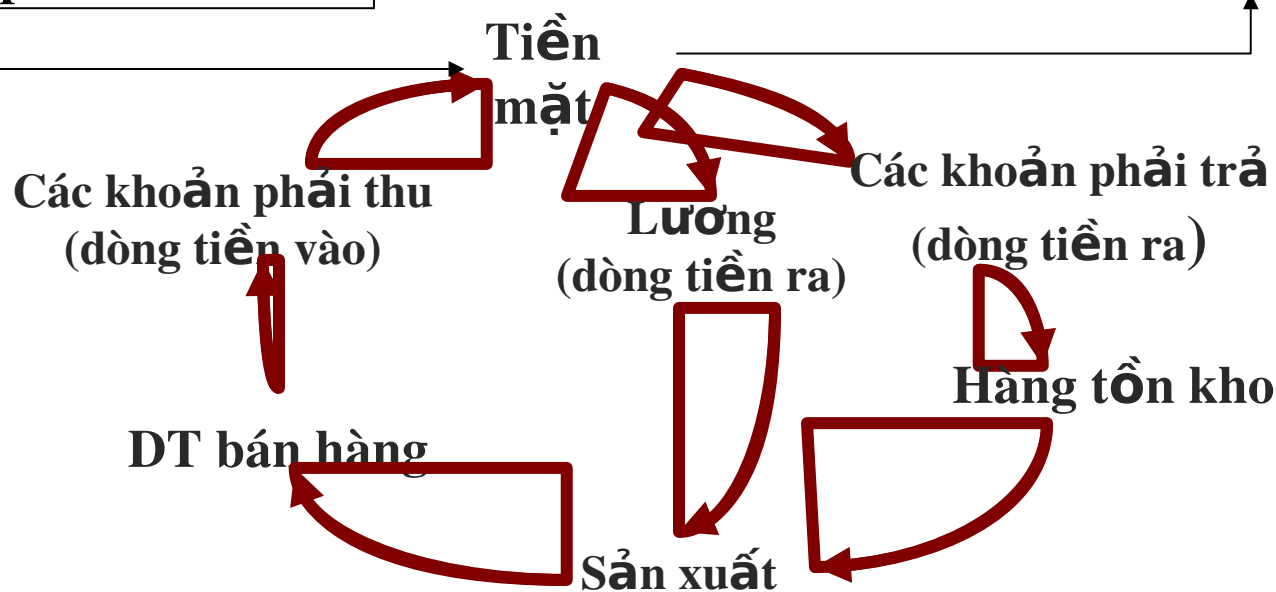
CHU TRÌNH LƯU CHUYỂN TIỀN

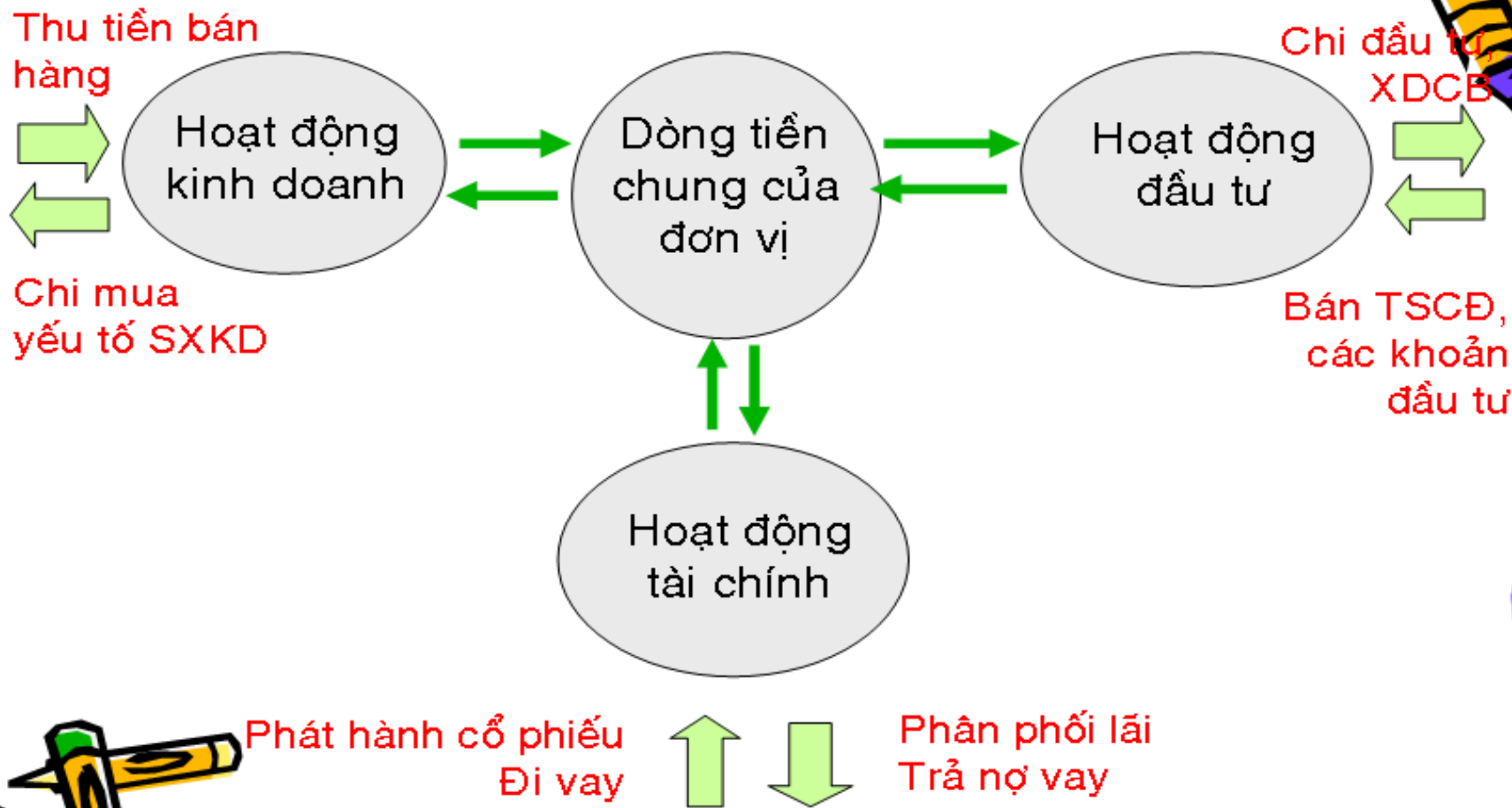
Các dòng tiền vào khác:

- Phát hành cổ phiếu
- Vay nợ
- Bán tài sản
- LN thu được
- Thu nhập từ đầu tư...

Các dòng tiền ra khác:

- Chi trả cổ tức
- Công ty mua lại cổ phiếu
- Trả nợ
- Mua sắm tài sản
- Trả lãi tiền vay...





CẤU TRÚC CỦA BÁO CÁO

LCTT - PHƯƠNG PHÁP TRỰC

Phần 1 – Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

TIẾP

\$ thu từ DT bán hàng...



Dòng tiền vào

Trừ

Dòng tiền ra

← Trả tiền HH, DV

← Trả lãi, thuế, lương

Phần 2 – Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

\$ thu do bán TS, thu lãi tiền gửi & cổ tức...



Dòng tiền vào

Trừ

Dòng tiền ra

← Trả tiền mua sắm TS,
cho vay, góp vốn...

CẤU TRÚC CỦA BÁO CÁO LCTT - PHƯƠNG PHÁP TRỰC

TIẾP
Phần 3 – Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài
chính

\$ thu từ
vay nợ,
Phát hành
cổ
phiếu...

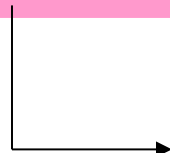


Dòng tiền vào

Trừ

Dòng tiền ra

← Trả nợ gốc vay,
← trả cổ tức...



Lưu chuyển tiền
thuần trong kỳ



Thay đổi tiền
trong kỳ

LẬP BẢNG CÁO LCTT - PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

LN trước thuế và lãi vay (EBIT)

- Các nghĩa vụ tài chính đã trả trong kỳ (Lãi vay, thuế)
- +/- Khấu hao và các khoản thu/chi không bằng tiền khác

**= Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD
(gộp)**

LẬP BA' O CA' O LCTT - PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

- Tăng TS lưu động (phải thu, tồn kho...) HOẶC
- + Giảm TS lưu động
- + Tăng nợ ngắn hạn (Phải trả người bán, nội bộ...) HOẶC
- Giảm nợ ngắn hạn

= Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD (1)

Mua/ Bán các tài sản hữu hình và vô hình

Chi/Thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty khác, thu cổ tức

Chi/Thu hồi cho vay; Thu lãi cho vay

Mua/ Bán chứng khoán đầu tư...

= Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư
(2)

LẬP BA' O CA' O LCTT - PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Phát hành/mua lại cổ phiếu;

Nhận/ Trả vốn góp của chủ SH

Nhận/Trả nợ ngắn & dài hạn (nợ gốc)

Trả cổ tức...

= Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính
(3)

(1) + (2) + (3) = Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ
(biến đổi tiền mặt trong kỳ báo cáo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thay đổi trong tài sản	Thay đổi trong nợ
Trừ (-) khoản tăng	Cộng (+) khoản tăng
Cộng (+) khoản giảm	Trừ (-) khoản giảm

MỘT SÔ' LƯU Y' KHI LẬP BÁO CÁO LCTT THEO PP

- Điểm xuất phát của phương pháp này là Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh, bắt đầu từ Lợi nhuận trước lãi vay và thuê
- Trừ chi phí Lãi vay và Thuê đã trả trong kỳ
- Điều chỉnh các khoản thu chi không bằng tiền (đã tính vào báo cáo KQKD):
 - Khấu hao tài sản (+)
 - Các loại dự phòng (+)

MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP BÁO CÁO LCTT THEO PP

Giám sát những biến động thực diễn ra
GIẢM TIỀN với các Tài sản lưu động & nợ ngắn hạn

- Khi lập báo cáo LCTT, chúng ta phải:
 - Loại bỏ khỏi Báo cáo LCTT tất cả các giao dịch kinh doanh đã được tính đến trong B/c Kết quả HĐKD nhưng không có ảnh hưởng đến tình trạng tiền mặt của công ty trong kỳ báo cáo
 - Ví dụ: Bán hàng chưa thu được tiền (Nợ phải thu)

MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP BÁO CÁO LCTT THEO PP

Đưa vào Báo cáo LCTT những giao dịch kinh doanh có ảnh hưởng đến tình trạng tiền mặt của công ty nhưng không được tính đến trong B/c Kết quả HĐKD trong kỳ

• Ví dụ:

- Tiền thu được từ nợ phải thu của năm trước (+)

- Thanh toán cho các khoản nợ phải trả của năm trước (-)

PHÂN TÍCH BÁO CÁO LCTT

- Khi xem xét hạn mức tín dụng, cán bộ tín dụng thường quan tâm tới:
 - Doanh nghiệp có khả năng tạo ra đủ tiền mặt để chi dùng hàng ngày (mua nguyên vật liệu, trả lương...) hay không?; và
 - Khoản vay sẽ được trả từ nguồn tiền nào khi đã hết hạn?

PHÂN TÍCH BÁO CÁO LCTT

Hãy trả lời những câu hỏi sau đây:

- Dòng tiền từ hoạt động SXKD âm hay dương? Lợi nhuận hay nhỏ hơn Lợi nhuận từ hoạt động SXKD?
- Khả năng của DN trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại (lãi vay, thuế) như thế nào?
- DN quản lý vốn lưu động ra sao?
- Những yếu tố nào có tác động đến dòng tiền từ hoạt động SXKD?
- Tiền đã được đầu tư vào đâu? Các TS

PHÂN TÍCH BÁO CÁO LCTT

Hãy trả lời những câu hỏi sau đây:

- **Vốn đầu tư được huy động từ những nguồn nào?**
 - Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh?
 - Tiền từ việc bán tài sản hay rút vốn khỏi các dự án đầu tư khác?
 - Dòng tiền từ hoạt động tài chính?
- **Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi tiền cho các hoạt động đầu tư, là dương hay âm? Lượng tiền thừa hay thiếu được sử dụng hay xử lý như thế nào?**
 - Chủ sở hữu rút/đóng góp thêm vốn?
 - Phát hành cổ phiếu? Trả cổ tức?
 - Vay/trả nợ ngân hàng?
- **Các dòng tiền từ hoạt động KD, hoạt động đầu tư và hoạt**

PHÂN TÍCH BÁO CÁO LCTT

KẾT LUẬN:

- Tiền của DN có được tạo ra từ những nguồn ổn định và bền vững không?
- DN có sử dụng tiền một cách hiệu quả không? Nếu không, ảnh hưởng của nó là gì?
- DN có quản lý các hoạt động tài chính của nó một cách nhất quán và hiệu quả không? Những rủi ro tài chính của DN tăng lên hay giảm đi?

PHÂN TÍCH BÁO CÁO LCTT

MỘT SỐ TỶ SỐ DÒNG TIỀN:

- Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Lãi vay phải trả
- Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/(lãi vay phải trả + Nợ dài hạn đến hạn trả)
- Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Tổng nợ phải trả
- Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nhu cầu vốn đầu tư

NHỮNG HẠN CHÊ CỦA PHÂN TÍCH BCTC

- Công ty có quy mô lớn, hoạt động đa ngành nên rất khó xây dựng và ứng dụng hệ thống các tỷ số bình quân ngành.
- Lạm phát có thể ảnh hưởng xấu và làm sai lệch thông tin tài chính được ghi nhận trên các BCTC khiến cho việc tính toán các tỷ số trở nên sai lệch
- Các tỷ số tài chính được tính toán từ các BCTC nên mức độ chính xác của nó phụ thuộc rất lớn vào chất lượng và nguyên tắc hạch toán kế toán.

BÀI TẬP

BÀI TẬP

Bài 2: Công ty B có tổng tài sản trên vốn cổ phần là 3,2. Tài sản của công ty được tài trợ kết hợp bởi nợ dài hạn và vốn cổ phần thường. Tỷ số nợ của công ty là bao nhiêu?

BÀI TẬP

Bài 3: Công ty C có ROA là 10%, tỷ số lợi nhuận trên doanh thu là 2% và ROE là 15%. Hãy tính hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản? Tỷ số tổng tài sản trên vốn cổ phần là bao nhiêu?

Bài 4: Giả sử bạn được cung cấp thông tin từ công ty Brauer Corp như sau:

Doanh số trên tổng tài sản: 2,5

Lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): 4%

Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE): 5%

Hãy tính lợi nhuận trên doanh thu và tỷ số nợ trên tổng tài sản của công ty này.

Bài 3: Công ty C có ROA là 10%, tỷ số lợi nhuận trên doanh thu là 2% và ROE là 15%. Hãy tính hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản? Tỷ số tổng tài sản trên vốn cổ phần là bao nhiêu?

BÀI TẬP

Bài 5: Công ty K hiện đang có tỷ lệ thanh toán nhanh là 1,4; tỷ lệ thanh toán hiện hành là 2,8; số vòng quay hàng tồn kho là 6 vòng, tổng tài sản lưu động là 810.000 \$ và tiền mặt, chứng khoán thị trường là 120.000\$ vào năm 2008. Hỏi doanh số bán hàng và kỳ thu tiền bình quân của công ty này vào năm 2008 là bao nhiêu?

Công ty MP hiện đang có tỷ số ROE ở mức thấp là 3%, nhưng ban quản trị công ty hiện đang thực hiện một kế hoạch kinh doanh mới nhằm cải thiện điều này. Kế hoạch mới sẽ huy động tổng nợ vay chiếm tỷ lệ 60% và do đó chi phí trả lãi vay sẽ là 300.000\$ một năm. Ban quản trị của công ty dự kiến thu nhập EBIT là 1.000.000\$ ứng với mức doanh số là 10.000.000\$ và hiệu suất sử dụng tổng tài sản (số vòng quay tổng tài sản) là 2,0. Hỏi nếu thực hiện kế hoạch kinh doanh mới thì tỷ số ROE của công ty sẽ được cải thiện là bao nhiêu?

BÁO CÁO THU NHẬP

Doanh thu	200.000
Giá vốn hàng bán	67,5% DT
Phí bán hàng và quản lý	?
Lãi phải trả	10.570
Thu nhập trước thuế	?
Thuế DN (20%)	?
Thu nhập sau thuế	?

Biết thêm các số liệu sau:

Khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn: 3 lần

Kỳ thu tiền bình quân: 42 ngày

Số vòng quay hàng tồn kho: 3 lần

Tổng nợ / Vốn cổ phần: 1 lần

Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu: 7%

TÀI SẢN	Giá trị	NGUỒN VỐN	Giá trị
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG		A. NỢ PHẢI TRẢ	
1. Tiền mặt và ĐTNH	900	1. Nợ ngắn hạn	
2. Khoản phải thu	?	- Phải trả người bán	500
3. Hàng tồn kho	?	- Phiếu thanh toán	?
Tổng TSLĐ	?	- Chi phí phát sinh	200
B. TSCĐ RÒNG	?	Tổng nợ ngắn hạn	?
		2. Nợ dài hạn	?
		B. VỐN CỔ PHẦN	
		Vốn CP thường	50000
Tổng tài sản	?	Tổng nguồn vốn	?

Công ty cổ phần B có các số liệu sau: (ĐVT: triệu đồng)

1. Tiền mặt	1.000
2. Tài sản cố định	2.835
3. Doanh thu	10.000
4. Lãi ròng	500
5. Tỷ số thanh toán nhanh	1,5 lần
6. Tỷ số thanh toán ngắn hạn	2,0 lần
7. Kỳ thu tiền bình quân	45 ngày
8. Tỷ số ROE	17%

Hãy tính các khoản phải thu, nợ ngắn hạn, tài sản lưu động, tổng tài sản, cổ phần thường, nợ dài hạn và tỷ suất sinh lời trên tổng vốn?

Tiền mặt và chứng khoán ngắn hạn 300

Tài sản cố định 260

Doanh số 9.500

Tỷ số thanh toán nhanh 1.8

Tỷ số thanh toán hiện hành 2,0

Kỳ thu tiền bình quân 27

Công ty không phát hành cổ phần ưu đãi, chỉ phát hành cổ phần thường, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

Yêu cầu: Hãy tính khoản phải thu, nợ ngắn hạn, tài sản lưu động và tổng tài sản.

Tỷ số thanh toán hiện thời : 1,8

Tỷ số thanh toán nhanh : 1,2

**Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền :
0,35**

Hiệu suất sử dụng vốn lưu động : 4

Hiệu suất sử dụng tổng tài sản : 2,5

**Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu :
4,15%**

Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH : 22,5%

Tỷ số lãi gộp trên doanh thu : 30%

**Thuế suất thuế thu nhập doanh
nghiệp: 20%**

TÀI SẢN

A. Tài sản ngắn hạn ?

- Vốn bằng tiền ?

- Khoản phải thu ?

- Hàng tồn kho ?

B. Tài sản dài hạn ?

Tổng tài sản ?

NGUỒN VỐN

A. Nợ ?

- Nợ ngắn hạn ?

- Nợ dài hạn ?

B. Vốn chủ sở hữu ?

- Vốn cổ đông ?

Tổng nguồn vốn ?

CHỈ TIÊU

SỐ TIỀN

Doanh thu thuần

1.8250

Giá vốn hàng bán

?

Lãi gộp

?

Chi phí bán hàng quản lý

?

Lợi nhuận trước thuế

?

Thuế thu nhập doanh nghiệp

?

Lợi nhuận ròng

?